TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Kha**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**
2. Bà **Nguyễn Thị Hương Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắm-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1971, "có mặt"
HKTT: ấp c, xã G, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
2.Bị đơn: Anh **Phạm Văn H-** sinh năm 1965, "có mặt"
HKTT: ấp b, xã G, huyện Định Quán, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau năm 1991 và chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng trong cuộc sống thường ngày, luôn trái ngược nhau trong mọi ý kiến dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Từ năm 1993 trở đi thì tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bản thân chị đã chịu đựng rất nhiều và tha thứ cho anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Gia đình hai bên đã can

ngăn, khuyên bảo anh H nhưng cũng không có kết quả gì. Vì vậy chị và anh H đã sống ly thân với nhau 02 năm nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh Hiển nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 03 con chung tên là Phạm Duy Đ- sinh ngày 03/4/1995, Phạm Thị Thu H- sinh ngày 27/3/1997 và Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007. Hiện nay 02 con chung là Phạm Duy Đ và Phạm Thị Thu H đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007 chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Hcó nợ tiền mua bàn ghế của ông Lê Đình H là 11.000.000 đồng để dùng trong gia đình. Chị tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho ông H. Ông H cũng có ý kiến để hai bên tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn giữa chị L và anh H. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản nợ của ông H.

Đối với khoản nợ mà anh H khai báo là nợ của đại lý cám Ngọc T 30.000.000đồng và nợ anh Cao Đăng C là 20.000.000đồng thì chị không biết nên chị không đồng ý trả các khỏan nợ của anh C và đại lý cám Ngọc T thì chị không biết khoản nợ này vì khi chị sống ly thân với anh H thì tài sản chung anh H quản lý hết, anh H nuôi heo và mua cám thiếu của đại lý Ngọc T cũng như vay tiền của anh C thì anh H phải chịu trách nhiệm. Do đó chị không đồng ý trả 2 khoản nợ này. Việc đại lý cám Ngọc T và anh C có ý kiến tự hai bên thỏa thuận với nhau và họ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án lý hôn của chị và anh H thì chị không có ý kiến gì. Vì vậy về khoản nợ chung của vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Trong bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình nhưng đã bị mất Giấy chứng nhận kết hôn, cũng không tìm thấy hồ sơ đăng ký. Quá trình chung sống thì vợ chồng nhiều khi không hiểu nhau nên có nhiều vướng mắc. Anh nhận thấy vì bản thân anh có đôi lúc nóng giận hơi quá dẫn đến nhiều khi vợ chồng anh cãi nhau và mâu thuẫn về kinh tế và tiền bạc. Mỗi lần cãi nhau thì chị L lại bỏ nhà đi nên anh càng giận thêm. Nay chị L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung tên là Phạm Duy Đ- sinh ngày 03/4/1995, Phạm Thị Thu H- sinh ngày 27/3/1997 và Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007. Hiện nay các con chung Phạm Duy Đ và Phạm Thị Thu H đã trưởng thành, có khả năng lao động, phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con

và cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao con chung chưa thành niên Phạm Thị L cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh có nợ đại lý cám Ngọc T 30.000.000đồng, nợ ông Cao Đăng C 20.000.000 đồng, nợ tiền làm đường nông thôn mới 23.000.000đồng. Anh và chị L đã tự thỏa thuận được về nợ chung chị L có trách nhiệm trả nợ cho ông H, còn anh có trách nhiệm trả nợ cho đại lý cám Ngọc T và anh C. Các chủ nợ cũng nhất trí và họ không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ này trong vụ án ly hôn của anh chị. Đối với số tiền nợ làm đường nông thôn mới thì anh và chị L đã thỏa thuận ai quản lý, sử dụng nhà đất thì phải có trách nhiệm đóng tiền khi nhà nước yêu cầu. Vì vậy về khoản nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nguyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh H chung sống với nhau và năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện nay đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 thì quan hệ vợ chồng giữa chị Lan và anh Hiển không được pháp luật công nhận. Về con chung chưa thành niên căn cứ Điều 15, 16, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên là Phạm Thị L sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Phạm Văn H đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung như vợ

chồng chị L và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân 2 năm qua. Nay chị L không còn tình cảm với anh H nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L. Nhưng qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị L và anh H không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị L và tuyên bố không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung, trong đó có 02 con chung tên là Phạm Duy Đ- sinh ngày 03/4/1995, Phạm Thị Thu H- sinh ngày 27/3/1997 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động. Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007 hiện nay đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục tốt. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu L sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét thấy con chung chưa thành niên của anh H chị L đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Chị L có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng và không vi phạm pháp luật. Nguyện vọng của cháu L cũng muốn được ở với mẹ. Anh H cũng đồng ý giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng. Xét yêu cầu về nuôi con của chị L là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị L về nuôi con, giao con chung chưa thành niên là Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu anh Hiển cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H chị L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh H có nợ ông Lê Đình H là 11.000.000 đồng, nợ đại lý cám Ngọc T 30.000.000đồng và nợ anh Cao Đăng C là 20.000.000đồng. Chị L tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H. Anh H tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho đại lý cám Ngọc T và anh C. Ông H, anh C và đại lý cám Ngọc T có văn bản trình bày ý kiến không khởi kiện đối với anh H chị L trong vụ án ly hôn này. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68; Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H.

2)- Về con chung: Chị L và anh H có 03 con chung, trong đó có 02 con chung là Phạm Duy Đ- sinh ngày 03/4/1995, Phạm Thị Thu H- sinh ngày 27/3/1997 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Phạm Thị L- sinh ngày 03/5/2007 giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H chị L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3)- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4)- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5)- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp ngày 15/3/2017 theo biên lai số 004052 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho tất cả có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Định Quán;
-Chi cục THADS H. Định Quán;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA